

Số: 44 /BC-THHT

Hua Thanh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học xã Hua Thanh

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Na Ten, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: Hiệu trưởng: 0349 414 186

Phó Hiệu trưởng: 0886 853 688

- Trang thông tin điện tử: <https://thhuathanh.dienbien.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Trường Tiểu học xã Hua Thanh cam kết tạo dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện và sáng tạo, giúp mỗi học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất và thẩm mỹ. Chúng tôi khuyến khích sự tự tin, tự lập, và khả năng học tập suốt đời của mỗi em, nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai.

4.2. Tầm nhìn:

Xây dựng và phát triển để phấn đấu trở thành một trong những trường tiểu học tiêu biểu của huyện Điện Biên, là nơi mà mỗi học sinh đều được quan tâm, phát huy tối đa tiềm năng của mình. Chúng tôi hướng đến việc phát triển một thể hệ học sinh không chỉ giỏi về kiến thức mà còn có kỹ năng sống, tinh thần trách nhiệm và tình yêu quê hương, đất nước.

4.3. Mục tiêu

(1). **Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập:** Đảm bảo rằng học sinh nắm vững kiến thức cơ bản trong các môn học chính khóa, đặc biệt là Toán, Tiếng Việt và các môn khoa học. Khuyến khích học sinh phát triển kỹ năng tư duy logic, sáng tạo, và giải quyết vấn đề.

(2). **Phát triển toàn diện cho học sinh:** Không chỉ chú trọng đến học tập, nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ

và kỹ năng sống cho học sinh.

(3). **Tạo dựng môi trường học tập thân thiện và an toàn:** Xây dựng một môi trường học đường lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường. Đảm bảo mỗi học sinh đều cảm thấy an toàn và được tôn trọng.

(4). **Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy và học tập, giúp học sinh tiếp cận với những phương pháp học tập hiện đại.

(5). **Phát triển đội ngũ giáo viên:** Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp, và có khả năng ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa được thành lập theo Quyết định số: 1029/2001/QĐ-UB ngày 12 tháng 7 năm 2001 của UBND huyện Điện Biên V/V thành lập trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa thuộc phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Điện Biên.

Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa đổi tên thành trường Tiểu học xã Hua Thanh theo Quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của UBND huyện Điện Biên V/v đổi tên ‘Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa’ thành ‘Trường Tiểu học xã Hua Thanh’.

Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Song tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường Tiểu học xã Hua Thanh liên tục được Chủ tịch UBND huyện Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2017-2018, 2020-2021, 2021- 2022, 2022-2023. Năm học 2022-2023 nhà trường đạt Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên. Năm học 2023-2024, nhà trường thẩm định lại Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Hằng năm có trên 95% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 10% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, có 5-6 cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”. Tập thể nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Đỗ Thị Thu Hiền
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường Tiểu học xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0349 414 186
- Gmail: dohien74@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa được thành lập theo Quyết định số: 1029/2001/QĐ-UB ngày 12 tháng 7 năm 2001 của UBND huyện Điện Biên V/V thành lập trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa thuộc phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Điện Biên.

Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa đổi tên thành trường Tiểu học xã Hua Thanh theo Quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của UBND huyện Điện Biên V/v đổi tên ‘Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa’ thành ‘Trường Tiểu học xã Hua Thanh’.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Quyết định số 3774/QĐ-UBND, ngày 28/11/2022 của UBND huyện Điện Biên về việc Kiến toàn Hội đồng Trường Tiểu học xã Hua Thanh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Bà: Đỗ Thị Thu Hiền	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	
2.	Ông: Lò Văn Bình	Phó Chủ tịch UBND xã	
3.	Bà: Nguyễn Thị Lan	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	
4.	Bà: Nguyễn Thị Lan	Đại diện tổ chuyên môn	
5.	Bà: Nguyễn Thị Thu Hoài	Đại diện tổ chuyên môn	
6.	Bà: Trương Thị Oanh	Đại diện tổ chuyên môn	
7.	Bà: Trần Thị Ngoan	Tổng phụ trách đội	
8.	Ông: Lò Văn Lún	Đại diện hội cha mẹ học sinh	
9.	Bà: Đặng Thị Hà	Đại diện tổ văn phòng	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 30/10/2021 của UBND huyện Điện Biên Về việc chuyển công tác và bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện Điện Biên Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học xã Hua Thanh.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 19 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Công đoàn có 36 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 440 đội viên và nhi đồng
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa được thành lập theo Quyết định số: 1029/2001/QĐ-UB ngày 12 tháng 7 năm 2001 của UBND huyện Điện Biên V//V thành lập trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa thuộc phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Điện Biên.

Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa đổi tên thành trường Tiểu học xã Hua Thanh theo Quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của UBND huyện Điện Biên V/v đổi tên ‘Trường Tiểu học Số 2 Thanh Nưa’ thành ‘Trường Tiểu học xã Hua Thanh’.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Đỗ Thị Thu Hiền	Hiệu trưởng	0349 414 186	dohien74@gmail.com
2	Nguyễn Thị Lan	Phó hiệu trưởng	0886 853 688	nguyenthilan376@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 35 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	01	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			

1	Giáo viên TH hạng II	14	
2	Giáo viên TH hạng III	16	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	0	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

93,7% CBQL, giáo viên đạt chuẩn. 6,3% GV chưa đạt chuẩn (02 GV đang học)

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 02 điểm trường lẻ

- Trung tâm có diện tích là 2745,5 m²/257 học sinh, trung bình đạt 10,7 m²/học sinh

- Điểm trường Pa Sáng có diện tích là 3153,6 m²/50 học sinh, trung bình đạt 63,1 m²/học sinh

- Điểm trường Nậm Ty có diện tích là 3000 m²/141 học sinh, trung bình đạt 21,3 m²/học sinh

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm

bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thống và hoạt động Đội; phòng khoa học công nghệ các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 22 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo

dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: có 80 đầu sách, 80 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 260 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

*** Đánh giá theo từng tiêu chí**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-

Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

* Quyết định số 1449/QĐ-SGDĐT ngày 26/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

* Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số 440 học sinh, số học sinh nữ là 201 em chiếm 45,7%. Có 18 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 24,4 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,1% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh

được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 440/440 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 07 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

* Kết quả các môn học

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	440	82	90	90	101	77
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	440	82	90	90	101	77
III	Số học sinh chia theo môn học						
1	Toán	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	220	49	39	44	48	40
	- Hoàn thành	220	33	51	46	53	37
	- Chưa hoàn thành		0				
2	Tiếng Việt	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	217	47	39	43	48	40
	- Hoàn thành	222	35	50	47	53	37
	- Chưa hoàn thành	1	0	1			
3	Đạo đức	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	247	49	45	51	56	46
	- Hoàn thành	193	33	45	39	45	31
	- Chưa hoàn thành						
4	Tự nhiên - Xã hội	262	82	90	90		
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	144	47	47	50		
	- Hoàn thành	118	35	43	40		
	- Chưa hoàn thành		0				
5	Khoa học	178				101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	90				48	42
	- Hoàn thành	88				53	35
	- Chưa hoàn thành						
6	Lịch sử & Địa lí	178				101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	88				47	41
	- Hoàn thành	90				54	36
	- Chưa hoàn thành						
7	Âm nhạc	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	234	46	46	49	52	41
	- Hoàn thành	206	36	44	41	49	36
	- Chưa hoàn thành						
8	Mĩ thuật	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	241	46	47	51	53	44
	- Hoàn thành	199	36	43	39	48	33
	- Chưa hoàn thành						
9	Công nghệ	268			90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	128			43	45	40
	- Hoàn thành	140			47	56	37
	- Chưa hoàn thành						

10	<i>Hoạt động trải nghiệm</i>	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	245	49	42	53	55	46
	- Hoàn thành	195	33	48	37	46	31
	- Chưa hoàn thành						
11	<i>GDTC</i>	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	252	54	48	51	56	43
	- Hoàn thành	188	28	42	39	45	34
	- Chưa hoàn thành						
12	<i>Ngoại ngữ</i>	440	82	90	90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	217	45	44	42	47	39
	- Hoàn thành	223	37	46	48	54	38
	- Chưa hoàn thành						
13	<i>Tin học</i>	268			90	101	77
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	130			43	47	40
	- Hoàn thành	138			47	54	37
	- Chưa hoàn thành						

*** Năng lực và phẩm chất với khối 1,2,3,4,5**

Nội dung	Tổng số HS	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
<i>2.1 Năng lực cốt lõi</i>						
<i>2.1.1 Năng lực chung</i>						
<i>Tự chủ và tự học</i>	440	82	90	90	101	77
Tốt	225	47	38	46	49	45
Đạt	214	35	51	44	52	32
Cần cố gắng	1		1			
<i>Giao tiếp và hợp tác</i>	440	82	90	90	101	77
Tốt	231	44	39	50	50	46
Đạt	208	36	50	40	51	31
Cần cố gắng	1		1			
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	440	82	90	90	101	77
Tốt	213	44	38	43	48	40
Đạt	226	38	51	47	53	37
Cần cố gắng	1		1			
<i>2.1.2 Năng lực đặc thù</i>						
<i>Ngôn ngữ</i>	440	82	90	90	101	77
Tốt	217	47	38	43	48	41
Đạt	222	35	51	47	53	36
Cần cố gắng	1					
<i>Tính toán</i>	440	82	90	90	101	77
Tốt	222	49	40	44	48	41
Đạt	218	33	50	46	53	36
Cần cố gắng						
<i>Tin học</i>	440	82	90	90	101	77

Tốt	131			43	46	46
Đạt	137			47	55	37
CCG						
Công nghệ	268			90	101	77
Tốt	129			49	48	43
Đạt	139			51	53	34
CCG						
Khoa học	440	82	90	90	101	77
Tốt	231	47	44	49	48	43
Đạt	209	35	46	41	53	34
Cần cố gắng						
Thẩm mỹ	440	82	90	90	101	77
Tốt	241	46	47	51	53	44
Đạt	199	36	33	39	48	33
Cần cố gắng						
Thể chất	440	82	90	90	101	77
Tốt	254	54	47	53	57	43
Đạt	186	28	43	37	44	34
Cần cố gắng						
2.2 Phẩm chất chủ yếu						
Yêu nước						
Tốt	440	82	90	90	101	77
Đạt						
Cần cố gắng						
Nhân ái						
Tốt	440	82	90	90	101	77
Đạt						
Cần cố gắng						
Chăm chỉ	440	82	90	90	101	77
Tốt	232	48	43	47	51	43
Đạt	208	37	47	43	50	34
Cần cố gắng						
Trung thực	440	82	90	90	101	77
Tốt	417	81	89	90	96	61
Đạt	23	1	1		5	16
Cần cố gắng						
Trách nhiệm	440	82	90	90	101	77
Tốt	276	51	45	51	78	51
Đạt	164	31	45	39	23	26
Cần cố gắng						

* Tổng hợp cuối năm

Khối		Tổng	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) %	99,8	100	98,9	100	100	100
	Chia ra: - Hoàn thành chương trình lớp học		100	98,9	100	100	100
	- Chưa hoàn thành chương trình lớp học			1,1			
	Trong đó: + Chưa hoàn thành nhưng được lên lớp						
	+ Ở lại lớp			1			
	+ Rèn luyện trong hè						
	Khen thưởng		29	28	43	40	36
	- Giấy khen cấp trường		29	28	37	35	29
	- Giấy khen cấp trên				6	5	7
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)			1,1			

*** Khen thưởng học sinh:**

- HS HTXS (khối 1,2,3,4,5): 93/440 em đạt: 21,1%; Hs tiêu biểu: 64 em tỷ lệ 14,5%;

*** Kết quả các cuộc thi**

- Thi giao lưu môn Toán, Tiếng Việt khối 4+5 cấp huyện: Đạt 13 giải khuyến khích trong đó: Khối 3: 05 em; khối 4: 03 em; khối 5: 05 em.

- Thi giao lưu Tiếng Anh (IOE) khối 3,4,5 cấp trường: 07 giải (01 nhất; 01 nhì, 01 ba; 04 KK. Cấp huyện: 02 giải KK; Cấp tỉnh: 02 (01 ba; 01 KK).

- Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp trường: 14 được công nhận; Cấp huyện: 09 công nhận.

- Thi toán Olympic khối 1,2,3 cấp trường: 17 giải. Cấp huyện: 04 giải.

- Thi thể thao học sinh: 06 giải trong đó: Cấp huyện: 01 giải nhất; 03 giải nhì; 01 giải ba. Cấp tỉnh: 01 giải nhất.

- Thi thể thao CBGV cấp huyện 02 giải trong đó: (01 nhất; 01 ba).

- Phong trào HĐ của đội TNTPHCM Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 179 bài viết thư quốc tế UPU được gửi dự thi;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 77/77 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ.

Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 13.203.929.450 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 10.075.501.186 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 3.128.428.264 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 13.203.929.450 đồng

- Kinh phí quyết toán: 13.173.141.160 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 30.788.290 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 30.788.290 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 30.788.290 đồng

- Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 522.700.000 đồng, trong đó:

+ Kinh phí tài trợ Quỹ trẻ nghèo vùng cao : 342.300.000đ

+ Kinh phí tài trợ TSCSVC, Phong trào, thi đua khen thưởng : 180.400.000đ

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 522.700.000 đồng;

- Kinh nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 - 2025: 17.280.000 đồng

- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 - 2025: 17.280.000 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối

sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 90 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: "Ô tô mơ ước; Bác Hồ với thiếu nhi với tổng số tranh 120 tranh", ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề "An toàn giao thông"

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề "Biết ơn thầy cô giáo".

- HS tích cực tham gia viết thư UPU, toàn trường chọn gửi 179 bức thư về BTC.

- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

+ CB, GV, NV ủng hộ các loại quỹ năm học 2024 - 2025: được 25.821.000 đồng.

+ Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường làm vườn rau, làm đồ chơi ngoài chời cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 19 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm xét cho 02 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Nhà trường chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả đáp ứng nhu cầu dạy - học của GV - HS thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Năm học 2024-2025 nhà trường hoàn thiện nốt phần sân trường điểm Nậm Ty.

8. Công tác phổ cập giáo dục

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã huy động 100% trẻ đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ) và Bộ GD&ĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Xã Hua Thanh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức 2. Năm học 2024-2025 đã mở và hoàn thành 02 lớp XMC giai đoạn 2 với 50 học viên.

9. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.
- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.
- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.
- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.
- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.
- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.
- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.
- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học xã Hua Thanh theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thu Hiền